

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST- Việc HN&GD ngày 13 tháng 9 năm 2021, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

1. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1985

ĐKHKT: Xóm 1, Giã Trung, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1983

ĐKHKT: Xóm 1, Giã Trung, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N kết hôn năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, được cấp giấy chứng nhận ngày 30/12/2004.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu mâu thuẫn cả về kinh tế và tình cảm nên cả hai thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, việc cãi vã thường xuyên đã làm ảnh hưởng tới cuộc sống và con chung. Do vậy, cả hai cùng thống nhất có đơn yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 9 năm 2021, là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N xác định có 02 con chung: cháu Nguyễn Đại S , sinh ngày 27/11/2005; cháu Nguyễn Đại H , sinh ngày 04/01/2011. Sau khi ly hôn cả hai thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nuôi dưỡng một con chung, cụ thể giao cho bố Nguyễn Hải N trực tiếp nuôi dưỡng con chung thứ nhất Nguyễn Đại S , sinh ngày 27/11/2005; giao cho mẹ là Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung thứ hai Nguyễn Đại H , sinh ngày 04/01/2011, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con do mỗi người đều nuôi một con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Khoản nợ chung: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N.

- *Về con chung:* Chị Tạ Thị H và Anh Nguyễn Hải N xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Nguyễn Đại S , sinh ngày 27/11/2005; cháu Nguyễn Đại H , sinh ngày 04/01/2011. Chị H , anh N thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau:

Giao con chung thứ nhất: cháu Nguyễn Đại S , sinh ngày 27/11/2005 cho anh Nguyễn Hải N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; giao con chung thứ hai: cháu Nguyễn Đại H , sinh ngày 04/01/2011 cho chị Tạ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người đều nuôi một con chung và đều thống nhất thỏa thuận tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị H , anh N đều được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị H , anh N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Không có không đặt ra việc giải quyết.
- *Khoản nợ chung, khoản cho vay chung*: Chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Hải N thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về vấn đề khác*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H , anh N thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ. Chị H , anh N được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005313 ngày 13/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b,9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tiên Phong, TX Phổ Yên (nơi ĐK kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Hồ sơ VDS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà